

**KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số xã Ân Thi năm 2026**

Căn cứ các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19/5/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã Ân Thi ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số xã Ân Thi năm 2026, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Bám sát các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế của để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, sáng tạo, đột phá, thiết thực và khả thi, đảm bảo triển khai đồng bộ, đạt kết quả cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền hành chính nhà nước 02 cấp;

- Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thể chế, chính sách số

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số xã Ân Thi.

b) Phát triển hạ tầng số

- Xây dựng và phát triển hạ tầng số với công nghệ mới nhất cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...).

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước mạng đảm bảo thông suốt, hoạt động ổn định đến 100% cơ quan nhà nước.

- Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của các ngành, lĩnh vực.

c) Phát triển Chính quyền số

- 100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.
- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước.
- 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn xã phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.
- 70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).
- Thực hiện xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trong các giao dịch của hoạt động công vụ trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch

d) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.
- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%
- 100% cổng/trang thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

đ) Phát triển nền tảng số

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường, ...

- Sử dụng và vận hành tốt các Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) để kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia và của các bộ, ngành Trung ương

- Áp dụng ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh khi được triển khai.

- Sử dụng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Vận hành các ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên. Thực hiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng của các ngành; thực hiện chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành qua trục LGSP của tỉnh và NDXP quốc gia.

e) Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Triển khai sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

f) Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng trang thiết bị bảo mật cho các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin theo quy định.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% các hệ thống thông tin của xã được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

a) Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (truyền thanh, truyền hình, báo điện tử, mạng xã hội, ...)

b) Tổng hợp những cách làm điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn xã để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những mô hình hiệu quả về thực hiện chuyển đổi số.

2. Xây dựng thể chế số

a) Rà soát, hoàn thiện và ban hành các chính sách, văn bản của tỉnh theo quy định nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn xã.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban Chỉ đạo phát triển khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3. Hạ tầng kỹ thuật

Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: trang thiết bị công nghệ thông tin; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho triển khai ứng dụng các nền tảng số.

4. Dữ liệu số

a) Tiếp tục phát triển, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung. Phối hợp với tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương cập nhật dữ liệu cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước.

b) Tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa tài liệu, xây dựng dữ liệu dùng chung của ngành, lĩnh vực, kết nối kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội.

5. Nền tảng số

a) Thực hiện kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) phục vụ chuyển đổi số, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước các cấp.

b) Xây dựng, phát triển, thuê dịch vụ các hệ thống nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của xã.

c) Triển khai ứng dụng các nền tảng số dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức.

6. Nhân lực số

a) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức; người dân trên địa bàn xã về kiến thức và kỹ năng số cơ bản, chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn các kỹ năng ứng dụng, sử dụng các nền tảng số và an toàn thông tin.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số với các chuyên đề thiết thực, hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thống sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử của người dân, doanh nghiệp.

d) Ứng dụng các nền tảng số đào tạo trực tuyến do các Bộ, các doanh nghiệp số phát triển để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

a) Thực hiện xây dựng, triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

b) Đầu tư trang thiết bị bảo mật và thuê dịch vụ an toàn thông tin chuyên nghiệp nhằm bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung cho các hệ thống thông tin quan trọng của xã. Triển khai các phương án giám sát an toàn thông tin các hệ thống thông tin quan trọng, diễn tập về an toàn thông tin mạng, sao lưu dữ liệu, sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống thông tin sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp.

8. Phát triển Chính quyền số

a) Sử dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử xã, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng

b) Triển khai quyết liệt các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thực hiện cập nhật dữ liệu thường xuyên Kho dữ liệu cho cá nhân, tổ chức trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn, thông tin, dữ liệu dễ dàng được tham chiếu, kiểm chứng, người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

9. Phát triển Kinh tế số

a) Đẩy mạnh phát triển cửa hàng số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ

kinh doanh; chuyển dịch từ thương mại truyền thống sang phương thức ứng dụng các nền tảng số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, giao dịch mua bán,...

b) Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

c) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

d) Xây dựng, phát triển bền vững thị trường thương mại số, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số, dịch vụ và ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, phát triển thương mại điện tử, kết nối với doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

đ) Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện truy xuất nguồn gốc một bước trước một bước sau. Khuyến khích các sàn thương mại điện tử cần minh bạch hàng hóa đảm bảo sản phẩm an toàn để phát triển nền kinh tế số bền vững

10. Phát triển Xã hội số

a) Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về các lợi ích đem lại khi ứng dụng các nền tảng số trong mọi mặt kinh tế - xã hội. Đưa vào đào tạo ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục phổ thông, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên các ứng dụng trực tuyến, chú trọng ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực xã hội: giáo dục, y tế, giao thông, môi trường.

b) Hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng trực tuyến như Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để tiếp cận, học tập, phát triển, ứng dụng các kỹ năng số trong mọi mặt đời sống xã hội.

c) Đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng (Tổ đề án 06), trong đó Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: (1) Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; (2) Mua sắm trực tuyến gắn với bảo vệ dữ liệu cá nhân; (3) Thanh toán trực tuyến an toàn; (4) Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; (5) Sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục,...

d) Phát triển, ứng dụng các nền tảng số tại trạm y tế; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử; ứng dụng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, phát triển hình thành kho dữ liệu ngành y tế; áp dụng Hệ thống điều phối dữ liệu y tế với các bệnh viện trên địa bàn tỉnh để khai thác, sử dụng dữ liệu y tế.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công

chức, viên chức và nhân dân với nhiều hình thức tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, mạng xã hội, phóng sự truyền thanh, tọa đàm, hội thảo và các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của xã; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy trong trường học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên nhiều nền tảng số khác nhau.

b) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

b) Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số xã về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

a) Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

b) Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của xã.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

a) Tăng cường hoạt động Ban Chỉ đạo phát triển khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số các cấp trong công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về chuyển đổi số.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị các cấp, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

c) Tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống tấn công mạng, ứng cứu sự cố an ninh mạng tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã.

d) Tăng cường xây dựng các giải pháp cụ thể để đưa chuyển đổi số đến tay người sản xuất để người sản xuất có thể tự thao tác; đơn giản hoá thao tác để người sản xuất có thể sử dụng được những dịch vụ, nền tảng số

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách Trung ương (nếu có), ngân sách Tỉnh (nếu có), ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn thu sự nghiệp, nguồn huy động, đóng góp, tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. DANH MỤC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án thực hiện năm 2026 tại các Phụ lục kèm theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

a) Có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

b) Nghiên cứu, đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, các hệ thống thông tin của các ngành, lĩnh vực trong nội bộ tỉnh qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), với các Bộ, ngành Trung ương qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

d) Triển khai, phối hợp triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về chuyển đổi số.

e) Chủ trì xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin cho các lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong xã, hướng dẫn quy trình tạo lập, chuẩn hóa hồ sơ điện tử của cấp xã.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng Thông tin điện tử xã, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

b) Triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo xã.

3. Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

b) Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, trong việc chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với công Dịch vụ công quốc gia.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành thực hiện rà soát các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và ban hành danh mục thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến toàn trình (tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng, việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Có các giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến thiết thực, hiệu quả.

4. Phòng Kinh tế

a) Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa – Xã hội bố trí vốn cho các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của xã.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Phòng Kinh tế tham mưu cấp có thẩm quyền đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật NSNN và các quy định pháp luật hiện hành

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, hỗ trợ bà con nông dân đưa các sản phẩm nông nghiệp quảng bá, giới thiệu, bán trên các sàn thương mại điện tử.

5. Công an xã

Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06, đảm bảo an toàn thông tin mạng, an toàn an ninh mạng các hệ thống thông tin quan trọng của xã.

6. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành xây dựng nội dung các tin, bài viết, video,... về chuyển đổi số để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng mạng xã hội.

- Thực hiện duy trì chuyên mục riêng về Chuyển đổi số, tăng cường viết các tin, bài, phóng sự về chuyển đổi số định kỳ phát sóng tối thiểu 01 lần/tuần trên hệ thống truyền thanh từ xã đến các thôn.

- Tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh và các phương tiện thông tin (pa-nô, áp phích, khẩu hiệu, ...) nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng Nhân dân về các chủ trương, chính

sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, thị xã về chủ động tham gia chuyển đổi số tạo đồng thuận trong xã hội và toàn hệ thống chính trị.

- Nâng cao hiệu quả và đưa công tác tuyên truyền về chuyển đổi số đi vào chiều sâu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, phổ biến, nhân rộng kịp thời các mô hình thí điểm, các điển hình tiên tiến. Tận dụng triệt để công nghệ số để thực hiện tốt công tác tuyên truyền.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã, yêu cầu các phòng, ban, ngành và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ báo UBND xã kết quả thực hiện (*qua phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp trước ngày 15 hàng quý và trước ngày 15/11/2026 để tổng hợp, báo cáo*).

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND xã xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: *File*

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, P.VHXXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Nga Linh

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN THỊ
Giấy in: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
Ngày in: 12/11/2025 14:06:13

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ AN THI NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /01 /2026 của Ủy ban nhân dân xã Ân Thi)

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Tiếp tục hoàn thiện chính sách phục vụ chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên.	Phòng VH-XH	Các phòng, ban, đơn vị
2	Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực	Phòng VH-XH	Các phòng, ban, đơn vị
3	100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Văn phòng HĐND, UBND	Các phòng, ban, đơn vị
4	70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Phòng VH-XH	Các phòng, ban, đơn vị
5	Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn xã phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số	Các phòng, ban, đơn vị	Văn phòng HĐND-UBND xã, Phòng VH-XH, TT PVHCC
6	Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia	TT PVHCC	Các phòng, ban, đơn vị
7	90% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	TT PVHCC	Các phòng, ban, đơn vị

8	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	TT PVHCC	Các phòng, ban, đơn vị
9	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị
10	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% - Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	TT PVHCC	Các phòng, ban, đơn vị
11	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%	TT PVHCC	Các phòng, ban, đơn vị
12	100% cổng/trang thông tin điện cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Văn phòng HĐND, UBND	Các phòng, ban, đơn vị
13	- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80% - Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%	Phòng VH-XH, Các ngân hàng thương mại đóng trên địa bàn xã	Các phòng, ban, đơn vị
14	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%	Trạm Y tế	Phòng VH-XH
15	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60%	Phòng VH-XH; Các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số	Văn phòng HĐND-UBND
16	100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị
17	100% các hệ thống thông tin của tỉnh được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin.	Công an xã	Các phòng, ban, đơn vị
18	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.	Các phòng, ban, đơn vị	Các phòng, ban, đơn vị

Phụ lục 02**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NĂM 2026***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Ân Thi)*

TT	Nhiệm vụ giao tại phần II	Đơn vị chủ trì, theo dõi, đôn đốc	Đơn vị phối hợp
1	Mục 1, điểm b	Phòng VH-XH	Các phòng, ban, ngành, đơn vị
2	Mục 1, điểm a	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Các phòng, ban, đơn vị
3	Mục 2, điểm a	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Phòng VH-XH
4	Mục 2, điểm b	Phòng VH-XH	Các phòng, ban, ngành, đơn vị
5	Mục 3	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Phòng VH-XH
6	Mục 4, điểm a, b	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	
7	Mục 5, điểm a, b, c	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Phòng VH-XH
8	Mục 6, điểm a, b, d	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	
9	Mục 6, điểm c	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Phòng VH-XH
10	Mục 7, điểm a, b, c	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Công an xã
11	Mục 8, điểm a	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Văn phòng HĐND-UBND
12	Mục 8, điểm b, c	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Trung tâm Phục vụ HCC
13	Mục 9, điểm a, b, c, d, đ	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị
14	Mục 10, điểm a	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	Phòng VH-XH
15	Mục 10, điểm b, c,	Các phòng, ban, ngành, đơn vị	Phòng VH-XH, Công an xã
16	Mục 10, điểm d	Trạm y tế	Phòng VH-XH

Phụ lục 03
TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ AN THI NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 01 /2026 của Ủy ban nhân dân xã Ân Thi)

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ triển khai năm 2026
I	Các nhiệm vụ chung	
1	Các phòng, ban, đơn vị	1. Duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang được khai thác sử dụng 2. Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được khai thác sử dụng (máy tính, máy in, thiết bị mạng, ...) 3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho CBCCVV về kỹ năng số, an toàn thông tin mạng 4. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, tuyên truyền cho CBCCVV và người dân về chuyển đổi số 5. Xây dựng, phát triển đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông được phê duyệt bố trí kinh phí thực hiện năm 2026 6. Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc
II	Nhiệm vụ cụ thể từng của cơ quan, đơn vị	
1	Văn phòng HĐND-UBND	1. Hệ thống Theo dõi, giám sát NQ57, NQ71 trên địa bàn xã 2. Phối hợp nâng cấp, mở rộng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh 2. Thuê vận hành hệ thống phòng họp không giấy tờ xã Ân Thi 3. Đảm bảo ATTT cổng thông tin điện tử xã Ân Thi 4. Chính lý tài liệu để số hóa 5. Phối hợp triển khai Phần mềm cơ sở dữ liệu về Hòa giải ở cơ sở và áp dụng AI trong tra cứu và từ văn hòa giải cơ sở 6. Phối hợp triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu vi bằng trên địa bàn tỉnh
2	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	1. Vận hành hạ tầng và phần mềm hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

3	Phòng VH-XH	1. Phối hợp nâng cấp, mở rộng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh, đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông 2. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nâng cao nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức, công chức tỉnh đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số; sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung cấp xã 3. Vận hành phần mềm chấm điểm CCHC, DDCI, PAPI 4. Quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm quản lý CB, CC, VC tỉnh Hưng Yên theo phân cấp 5. Vận hành phần mềm chấm điểm kết quả thực hiện dân vận chính quyền, chính quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp 6. Số hóa tài liệu lưu trữ 7. Phối hợp số hóa 3D/360 các điểm di tích giai đoạn 4 năm 2026 8. Phối hợp triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở KBCB công lập 9. Phối hợp triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu ngành y tế phục vụ cải cách hành chính 10. Phối hợp triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn 11. Phối hợp triển khai cổng dịch vụ công đăng ký khám chữa bệnh từ xa 12. Phối hợp triển khai hệ thống CSDL ngành và trực tích hợp chia sẻ dữ liệu địa phương ngành giáo dục 13. Phối hợp triển khai hệ thống quản lý hợp và điều hành tác nghiệp ngành giáo dục 14. Tiếp tục số hóa dữ liệu và nâng cấp quản lý dữ liệu số hóa ngành giáo dục và đào tạo (Tiếp tục sau khi thực hiện QĐ 628) 15. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về CNTT, CDS cho giáo viên, cán bộ quản lý, học viên 16. Phối hợp triển khai học bạ số cấp tiểu học, THCS. 17. Phối hợp triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp cơ sở giáo dục cấp mầm non, Tiểu học, THCS 18. Phối hợp triển khai Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên 19. Phối hợp triển khai phần mềm thư viện điện tử từ mầm non đến THPT 20. Phối hợp triển khai phần mềm Quản lý ATTP trên địa bàn xã
---	-------------	--

4	Công an xã	1. Tổ chức phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin, tập huấn liên quan đến an toàn, an ninh mạng 2. Định danh tổ chức, doanh nghiệp và kinh tế hộ gia đình 3. Lắp đặt mạng máy tính bảo mật tới các đơn vị ngoài trụ sở Công an xã
5	Phòng Kinh tế	1. Số hóa dữ liệu, sử dụng dữ liệu số thay thế hồ sơ, giấy tờ cũ trong hoạt động dịch vụ công và công tác chỉ đạo, điều hành 2. Phối hợp triển khai thực hiện chương trình thương mại điện tử tỉnh Hưng Yên 3. Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn xã 4. Tập huấn chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Môi trường 5. Vận hành hệ thống thông tin điện tử hy.check.net truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm sản đảm bảo an toàn thực phẩm 6. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác quản lý, điều hành lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật